

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày 08-6-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Hoàng
- Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44 /2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn V, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V và bà Trương Thị L; có vợ Đỗ Thị Kim L và 01 con, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09/3/2023 đến nay (có mặt).

Bị hại: anh Đỗ Minh Q, sinh ngày 19-02-2006 (đã chết)

Trú tại: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Những người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1971 (là bố đẻ cháu Q).
- Bà Mai Thị Nh, sinh năm 1972 (là mẹ đẻ cháu Q).

Đều trú tại: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và Nh: anh Đỗ Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Trú tại: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2.3. Những người làm chứng:

- 2.3.1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt).

2.3.2. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1955 (vắng mặt).

2.3.3. Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn H, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2.3.4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961 (vắng mặt).

2.3.5. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn Q1, xã Q2, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/01/2023, Hoàng Văn V có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 17B3-489.75 chở anh Đỗ Minh Q là em vợ đi đến nhà bà Nguyễn Thị V ở thôn Q1, xã Q2, huyện Q, tỉnh Thái Bình lấy xúc xích về bán. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, V điều khiển xe mô tô trên chở Q đi về trên tuyến đường ĐT452A hướng từ xã Điệp Nông đi xã Đ, đến địa phận thôn H, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình, nơi có biển cảnh báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên (W.207a). V điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm nên xe mô tô do V điều khiển đã lao xuống phần đất trống ở bên phải đường theo chiều đi, xe đổ làm anh Q và V bị ngã. Hậu quả: Q và V cùng bị thương tích được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Hưng Hà, Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình và Bệnh viện Việt Đức, thành phố Hà Nội cấp cứu và điều trị. Do thương tích của anh Q nặng, gia đình đưa về, đến 13 giờ 30 phút ngày 21/01/2023, anh Q chết tại nhà.

Bản kết luận giám định pháp y số 101/KL-KTHS ngày 04/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận các dấu hiệu chính qua giám định: Đa chấn thương vùng đầu và toàn thân do tai nạn giao thông làm vỡ xương sọ vùng trán thái dương phải, chảy máu não; gãy xương đòn phải; gãy xương sườn số 1 bên phải; gãy đốt sống cổ số 2. Nạn nhân Đỗ Minh Q chết do chấn thương sọ não và đa chấn thương.

Bản cáo trạng số 46/CT- VKSHH ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề

ngợi Hội đồng xét xử (HĐXX) xử bị cáo V phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 và Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo V từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vật chứng của vụ án: Trả lại bị cáo V 01 giấy phép lái xe hạng A1 số mang tên bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại anh Đỗ Minh Q là em ruột của chị Đỗ thị Kim Lý (vợ của bị cáo V), quan hệ giữa bị cáo và bị hại là anh rể và em vợ nên gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo V đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng.

Bị cáo V không tranh luận gì, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường vụ tai nạn giao thông (bút lục từ số 33 đến số 47); biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, bản ảnh phương tiện (bút lục từ 48 đến số 51); Bản kết luận giám định pháp y số 101/KL-KTHS ngày 04/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 72,73); biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: anh Nguyễn Văn Đ, ông Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị Q, Bà Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị V (bút lục từ số 255 đến số 254).

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 20/01/2023, tại đường ĐT452A thuộc địa phận thôn H, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình có biển cảnh báo nguy hiểm “Giao nhau với đường không ưu tiên” (W.207a). Hoàng Văn V, có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B3-48975 chở anh Đỗ Minh Q đi không đúng phần đường quy định không giảm tốc độ

để có thể dừng lại một cách an toàn khi có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm nên xe mô tô do Vận điều khiển đã lao xuống phần đất trống ở bên phải đường theo chiều đi làm anh Quang chết.

Hành vi của bị cáo V đi không đúng phần đường quy định, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm, vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019; hậu quả làm chết một người. Vì vậy, hành vi trên của bị cáo V đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ...”

Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo...”

Khoản 1 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Công an quy định:

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường...”

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b)...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã điều khiển xe mô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, hậu quả đã gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự nào theo quy định tại điều 52 BLHS, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo V tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Từ các nhận xét trên, HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Đỗ Minh Q là em ruột của chị Đỗ Thị Kim L (vợ của bị cáo V), quan hệ giữa bị cáo và bị hại là anh rể và em vợ nên gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự. Tuy nhiên, bị cáo V đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA VISION, màu sơn đen, BKS: 17B3-489.75 đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của xe mô tô trên đều mang tên Đỗ Thị Kim L. Quá trình điều tra xác định chiếc xe và các giấy tờ trên là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị Kim L là vợ của bị cáo V. Một số mảnh nhựa vỡ, 01 mũ bảo hiểm kín đầu màu xanh đen, 01 mũ bảo hiểm dạng lưới chai màu đen đều đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chị L và bị cáo V là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên bị cáo, cần trả lại cho bị cáo V.

Bị cáo V phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Văn V** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo V **01 năm 03** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo V cho UBND xã H, huyện Đ nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo V với đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ (Bị cáo V đã bồi thường xong).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, bị cáo V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Tuy, bà Nhẫn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn